

Số: 06/2013/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tỉ lệ phần trăm (%) chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung công quỹ do vi phạm hành chính cho Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 139/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành

chính cho Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính là 5% trên giá trị của tài sản, hàng hóa bán được theo phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước và được áp dụng chung cho tất cả các cuộc bán đấu giá.

2. Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp, cơ quan của người ra quyết định tịch thu được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định tại Thông tư số 137/2010/TT- BTC và không vượt quá mức khoán quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cuối năm ngân sách, Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp, cơ quan của người ra quyết định tịch thu thực hiện quyết toán chi phí thực tế cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính trong năm theo quy định hiện hành. Trường hợp số chi theo quyết toán thực tế nhỏ hơn so với chi phí khoán thì số chênh lệch thừa xử lý như sau:

a) Đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, cơ quan của người ra quyết định tịch thu thực hiện nộp ngân sách nhà nước;

b) Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp được xử lý theo cơ chế tài chính hiện hành áp dụng với đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quản lý tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm quyết toán khoản chi phí thực tế cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính trong năm của Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp hoặc cơ quan của người ra quyết định tịch thu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 139/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/HĐND, TT/UBND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-NSuong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dương

